

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1297/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2022

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thanh Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 761/2021/HNST ngày 07 tháng 07 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 874/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 903/2022/QĐST – DS ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kiều, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp Chợ, xã Đại Ân 2, huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Thanh Tuấn, sinh năm 1981; Thường trú: Ấp Chợ, xã Đại Ân 2, huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng; Tạm trú: 43 Hoàng Văn Hòe, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Tp.HCM. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tuấn tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01 do UBND xã Đại Ân 2, huyện Long Phú (nay là huyện Trần Đề), Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/02/2008. Thời gian đầu sau khi kết hôn thì cuộc sống chung tương đối hòa thuận. Tuy nhiên khoảng 03 năm chung sống thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ và ít nói chuyện với nhau. Ngoài ra bà phát hiện ông Tuấn có người phụ nữ khác bên ngoài, bà đã khuyên can thậm chí năn nỉ nhưng ông Tuấn vẫn không thay đổi. Do mâu thuẫn nên từ năm 2017 bà cùng con chung dọn về nhà ba mẹ ruột ở quê sinh sống cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu ly hôn với ông Tuấn.

- Về quan hệ con chung: Bà và ông Tuấn chung sống có 01 con chung tên Trần Khánh Toàn, sinh ngày 17/10/2008. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kiều xác nhận không có.

Tại bản tự khai ngày 15/11/2022, bị đơn ông Trần Thanh Tuấn trình bày: Ông Tuấn xác nhận thời gian chung sống và kết hôn như bà Kiều trình bày là đúng. Vợ chồng chung sống có những mâu thuẫn không đáng kể, nay trước yêu cầu ly hôn của bà Kiều thì ông không đồng ý vì còn thương vợ con.

Về con chung: Ông Tuấn khai có 01 con chung tên Trần Khánh Toàn, sinh ngày 17/10/2008. Nếu Tòa giải quyết ly hôn thì ông đồng ý giao con chung cho bà Kiều nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ: không có.

Bị đơn – ông Trần Thanh Tuấn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đến Tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng sau đó tự ý bỏ về nên không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Dương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng qui định tại Điều 28; Điều 48; Điều 69; Điều 79; Điều 171; Điều 173 ; Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn năm 2008 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Kiều và ông Tuấn là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà Kiều chung sống với ông Tuấn phát sinh mâu thuẫn do hai bên ít quan tâm chia sẻ, mặc khác bà Kiều phát hiện ông Tuấn có người phụ nữ khác bên ngoài mặc dù bà đã khuyên nhủ nhưng ông Tuấn không

thay đổi. Ông Tuấn trình bày còn thương vợ con nhưng tại thời điểm hiện tại bà Kiều không còn tình cảm với ông Tuấn và đã sống ly thân từ năm 2017. Do đó giữa hai bên không còn khả năng để hàn gắn. Do đó việc bà Kiều yêu cầu ly hôn là có sở. Về con chung : Bà Kiều yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, ông Tuấn không đồng ý ly hôn nhưng vẫn đồng ý để con chung cho bà Kiều nuôi dưỡng. Do đó yêu cầu nuôi con chung sau khi ly hôn của bà Kiều là phù hợp nên Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56; Điều 57 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung: Không có; Về án phí: Tính theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 44/2008 do Ủy ban nhân dân xã Đại Ân 2, huyện Long Phú (nay là huyện Trần Đề), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/02/2008 cho bà Phạm Thị Kiều và ông Trần Thanh Tuấn thì quan hệ hôn nhân giữa bà Kiều và ông Tuấn là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông Tuấn hiện cư ngụ tại quận Tân Phú, nay bà Kiều yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn - bà Phạm Thị Kiều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Tân Phú vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Kiều.

Bị đơn – ông Trần Thanh Tuấn đã được Tòa án nhân dân quận Tân Phú tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1, khoản 2 Điều 177; khoản 2 Điều 220; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhưng ông Trần Thanh Tuấn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân quận Tân Phú vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Tuấn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét, việc bà Phạm Thị Kiều yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh Tuấn:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Kiều và ông Tuấn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng ít quan tâm chia sẻ với nhau. Ngoài ra bà Kiều phát hiện ông Tuấn có người phụ nữ khác bên ngoài, mặc dù nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Tuấn không thay đổi và hiện nay bà đã hết tình cảm với ông Tuấn. Ông Tuấn xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đáng, ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Tòa án đã tạo điều kiện để các bên hàn gắn tình cảm nhưng tại buổi hòa giải ông Tuấn tự ý bỏ về. Qua đó thể hiện ông Tuấn không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu của ông Tuấn. Ngược lại, bà Kiều xác nhận do mâu thuẫn nên hai bên ly thân sống riêng từ năm 2017 đến nay, hiện nay bà cũng hết tình cảm với ông Tuấn. Kết quả xác minh tại địa phương nơi ông Tuấn bà Kiều sinh sống cũng xác định hiện nay hai bên không còn sống chung với nhau, đã ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng vợ chồng giữa bà Kiều ông Tuấn là có thật, khả năng hàn gắn không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Kiều.

- Về quan hệ con chung: Xét việc bà Kiều yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Khánh Toàn sinh ngày 17/10/2008:

Xét, việc giao con chung cho ai là người trực tiếp nuôi dưỡng phải dựa vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Hiện nay cháu Trần Khánh Toàn đang được bà Kiều trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu được đi học và phát triển bình thường. Ngoài ra ông Tuấn cũng đồng ý giao con chung cho bà Kiều trực tiếp nuôi dưỡng nếu Tòa giải quyết ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà Kiều yêu cầu được nuôi con chung là có cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Kiều không yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng nuôi, ông Tuấn cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử xét thấy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Tuấn do bà Kiều không yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Kiều và ông Tuấn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Kiều phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 267; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117, Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kiều được ly hôn với ông Trần Thanh Tuấn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Đại Ân 2, huyện Long Phú (nay là huyện Trần Đề), Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 20/02/2008 cho bà Kiều và ông Tuấn không còn giá trị pháp luật kể từ ngày Bản án của tòa án có hiệu lực.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trần Khánh Toàn, sinh ngày 17/10/2008 cho bà Kiều trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Tuấn do bà Kiều không có yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa giải quyết.

+ Ông Tuấn được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Kiều và ông Tuấn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị Kiều phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí do bà Kiều đã nộp theo biên lai thu tiền số 0035894 ngày 07/07/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Kiều đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận Tân Phú;
- UBND X. Đại Ân 2, huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS q. Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ ./.(Thanh Hằng)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hương

